

ANEXO 15-A

LISTA DE VIETNAM

SECCIÓN A: Entidades del Gobierno Central

El Capítulo 15 (Contratación Pública) se aplicará a las entidades del nivel central de gobierno listadas en esta Sección, cuando el valor de la contratación sea igual o superior a los siguientes umbrales:

Umbrales:

1. Mercancías y Servicios
 - Desde la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam y hasta el final del quinto año siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 2,000,000 DEG
 - Desde el inicio del sexto año hasta el final del año 10 siguiente de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 1,500,000 DEG
 - Desde el inicio del año 11 hasta el final del año 15 siguiente de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 1,000,000 DEG
 - Desde el inicio del año 16 hasta el final del año 20 siguiente de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 260,000 DEG
 - Desde el inicio del año 21 hasta el final del año 25 siguiente de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 190,000 DEG
 - Desde el inicio del año 26 siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 130, 000 DEG

2. Servicios de Construcción
 - Desde la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam hasta el final del quinto año siguiente de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 65,200,000 DEG
 - Desde el inicio del sexto año hasta el final del año 10 siguiente de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 32,600,000 DEG
 - Desde el inicio del año 11 hasta el final del año 15 siguiente de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 16,300,000 DEG
 - Desde el inicio del año 16 siguiente a entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 8,500,000 DEG

Lista de Entidades:

1. *Ministry of Justice (Bộ Tư pháp)*

- (a) *Department of Criminal and Administrative Legislation (Vụ Pháp luật hình sự - hành chính)*
- (b) *Department of Economic-Civil Legislation (Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế)*
- (c) *Department of International Law (Vụ Pháp luật quốc tế)*
- (d) *Department of Legal Dissemination and Education (Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật)*
- (e) *Agency of Judicial Support (Cục Hỗ trợ tư pháp)*
- (f) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (g) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (h) *Department of Emulation and Commendation (Vụ Thi đua – Khen thưởng)*
- (i) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
- (j) *Department of General Affairs on Legislative Development (Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật)*
- (k) *Agency of National Legal Aid (Cục Trợ giúp pháp lý)*
- (l) *Agency of Child Adoption (Cục Con nuôi)*
- (m) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch – Tài chính)*
- (n) *Directorate of Civil Judgement Enforcement (Tổng cục Thi hành án dân sự)*
- (o) *Agency of Examination of Legal Normative Documents (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật)*
- (p) *Agency of National Registry of Secured Transactions (Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm)*
- (q) *Agency of Information Technology (Cục Công nghệ thông tin)*
- (r) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
- (s) *Agency of National Compensation (Cục bồi thường nhà nước)*
- (t) *The South Agency (Cục Công tác phía Nam)*
- (u) *Agency of Administrative Procedure Control (Cục Kiểm soát thủ tục hành chính)*
- (v) *Agency of Civil Status, Nationality and Authentication (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực)*

2. *Ministry of Planning and Investment (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (b) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (c) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (d) *Department of Emulation and Reward (Vụ Thi đua khen thưởng)*
- (e) *Department of Cooperatives (Vụ Hợp tác xã)*
- (f) *Department of Finance and Monetary (Vụ Tài chính tiền tệ)*
- (g) *Department of National Economic Issues (Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân)*
- (h) *Public Procurement Agency (Cục Quản lý đấu thầu)*
- (i) *Department of Industrial Economy (Vụ Kinh tế công nghiệp)*
- (j) *Department of Agricultural Economy (Vụ Kinh tế nông nghiệp)*
- (k) *Department of Service Economy (Vụ Kinh tế dịch vụ)*

- (l) *Department of Infrastructure and Urban Centers (Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị)*
 - (m) *Department of Economic Zones Management (Vụ Quản lý các khu kinh tế)*
 - (n) *Department of Investment Supervision & Appraisal (Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư)*
 - (o) *Department of Planning Management (Vụ Quản lý quy hoạch)*
 - (p) *Department of Local and Territorial Economy (Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ)*
 - (q) *Department of Foreign Economic Relations (Vụ Kinh tế đối ngoại)*
 - (r) *Department of Labor, Culture and Social Affairs (Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội)*
 - (s) *Department of Science, Education, Natural Resources and Environment (Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường)*
 - (t) *Enterprise Development Agency (Cục Phát triển doanh nghiệp)*
 - (u) *Foreign Investment Agency (Cục Đầu tư nước ngoài)*
 - (v) *Business Registration Management Agency (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh)*
 - (w) *Ministry Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh and Da Nang city (Văn phòng Bộ, kể cả các VPĐD ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng)*
 - (x) *National Defense - Security Department (Vụ Quốc phòng – An ninh)*
 - (y) *General Statistics Office (Tổng cục Thống kê)*
3. *Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)*
- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (b) *Department of Legal Affairs (Vụ Pháp chế)*
 - (c) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
 - (d) *Department of Social Insurance (Vụ Bảo hiểm xã hội)*
 - (e) *Department of Gender Equality (Vụ Bình đẳng giới)*
 - (f) *Department of Labour-Salary (Vụ Lao động – Tiền lương)*
 - (g) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
 - (h) *Agency of Overseas Labour (Cục Quản lý lao động ngoài nước)*
 - (i) *Agency of Occupational Safety and Health (Cục An toàn lao động)*
 - (j) *Agency of Employment (Cục Việc làm)*
 - (k) *Agency of Children Protection and Care (Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em)*
 - (l) *Department of Planning – Finance (Vụ Kế hoạch – Tài chính)*
 - (m) *Agency of the People with Special Contributions to the Country (Cục Người có công)*
 - (n) *Agency of Social Evil Prevention (Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội)*
 - (o) *Agency of Social Protection (Cục Bảo trợ xã hội)*

- (p) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
 - (q) *Directorate of Vocational Training (Tổng Cục dạy nghề)*
4. *Ministry of Culture, Sports and Tourism (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*
- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (b) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
 - (c) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
 - (d) *Department of Science, Technology and Environment (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)*
 - (e) *Agency of International Cooperation (Cục Hợp tác quốc tế)*
 - (f) *Agency of Cultural Heritage (Cục Di sản văn hóa)*
 - (g) *Department of Training Management (Vụ Đào tạo)*
 - (h) *Directorate of Viet Nam National Administration of Tourism (Tổng cục Du lịch)*
 - (i) *Department of Emulation and Reward (Vụ Thi đua khen thưởng)*
 - (j) *Agency of Art, Photography and Exhibition (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm)*
 - (k) *Department of Family (Vụ Gia đình)*
 - (l) *Department of Ethnic Culture (Vụ Văn hóa dân tộc)*
 - (m) *Department of Library (Vụ Thư viện)*
 - (n) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch – Tài chính)*
 - (o) *Ministry Office, including Representative Offices in Da Nang city (Văn phòng Bộ kể cả VPĐD ở Đà Nẵng)*
 - (p) *South Agency (Cục Công tác phía Nam)*
 - (q) *Agency of Performing Arts (Cục Nghệ thuật biểu diễn)*
 - (r) *Cinema Agency (Cục Điện ảnh)*
 - (s) *Agency of Copyright (Cục Bản quyền tác giả)*
 - (t) *Agency of Grassroots Culture (Cục Văn hóa cơ sở)*
 - (u) *Directorate of Physical Training and Sports (Tổng cục Thể dục thể thao)*
 - (v) *The Management Unit of the Culture and Tourism Village of Vietnamese ethnics (Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam)*
5. *Ministry of Science and Technology (Bộ Khoa học và Công nghệ)*
- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (b) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
 - (c) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
 - (d) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
 - (e) *Department of Social and Natural Sciences (Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên)*
 - (f) *Department of Science and Technology for Economic Technical Branches (Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật)*
 - (g) *Department of High Technology (Vụ Công nghệ cao)*

- (h) *Department of Technology Appraisal, Examination and Assessment (Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ)*
- (i) *Department of Planning and General Affairs (Vụ Kế hoạch – Tổng hợp)*
- (j) *Technology Application and Development Agency (Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ)*
- (k) *Agency of National Office of Intellectual Property of Viet Nam (Cục Sở hữu trí tuệ)*
- (l) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
- (m) *The South Agency (Cục Công tác phía Nam)*
- (n) *Directorate of Standards and Quality (Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng)*
- (o) *Office of State-Level Key Programs (Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước)*
- (p) *Department of Finance (Vụ Tài chính)*
- (q) *Department of Emulation and Reward (Vụ Thi đua - Khen thưởng)*
- (r) *Department of Local Science and Technology Development (Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương)*
- (s) *National Agency for Technology Entrepreneurship and Commercialization Development (Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)*
- (t) *National Agency for Scientific and Technological Information (Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia)*
- (u) *Viet Nam Agency for Radiation and Nuclear Safety and Control (Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân)*
- (v) *Viet Nam Atomic Energy Commission (Cục Năng lượng nguyên tử)*
- (w) *The Management Board of Hoa Lac Hi-Tech Park (Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hoà Lạc)*

6. *Ministry of Finance (Bộ Tài chính)*

- (a) *Agency of Price Control (Cục Quản lý giá)*
- (b) *Agency of Corporate Finance (Cục Tài chính Doanh nghiệp)*
- (c) *Agency of Debt Management and External Finance (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại)*
- (d) *Agency of Public Asset Management (Cục Quản lý Công sản)*
- (e) *Department of State Budget (Vụ Ngân sách nhà nước)*
- (f) *Department of Investment (Vụ Đầu tư)*
- (g) *Department of Finance for National Defense and Security (Vụ I (Vụ Tài chính, Quốc phòng, An ninh đặc biệt))*
- (h) *Department of Public Expenditure (Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp)*
- (i) *Department of Tax Policy (Vụ Chính sách thuế)*
- (j) *Department of Banking and Financial Institutions (Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính)*

- (k) *Department of Accounting and Auditing Regulations (Vụ chế độ kế toán và kiểm toán)*
- (l) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
- (m) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (n) *Department of Personnel and Training (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (o) *Department of Emulation and Commendation (Vụ Thi đua - Khen thưởng)*
- (p) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (q) *Insurance Supervisory Agency (Cục Quản lý, giám sát Bảo hiểm)*
- (r) *Agency of Planning and Finance (Cục Kế hoạch tài chính)*
- (s) *Ministry Office, including Representative Offices in HoChiMinh city (Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh)*
- (t) *State Securities Commission (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)*
- (u) *General Department of State Reserves (Tổng cục dự trữ nhà nước)*
- (v) *State Treasury (Kho bạc Nhà nước)*
- (w) *General Department of Customs (Tổng cục Hải quan)*
- (x) *General Department of Taxation (Tổng cục Thuế)*
- (y) *Agency of Financial Informatics and Statistics (Cục Tin học và Thống kê tài chính)*

7. *Ministry of Construction (Bộ Xây dựng)*

- (a) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
- (b) *Department of Science, Technology and Environment (Vụ Khoa học công nghệ và môi trường)*
- (c) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (d) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (e) *Department of Architecture and Construction Planning (Vụ Quy hoạch – kiến trúc)*
- (f) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (g) *Department of Construction Economics (Vụ Kinh tế xây dựng)*
- (h) *Urban Development Agency (Cục Phát triển đô thị)*
- (i) *Department of Building Materials (Vụ Vật liệu xây dựng)*
- (j) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch tài chính)*
- (k) *Agency of Construction Activity Management (Cục Quản lý hoạt động xây dựng)*
- (l) *Agency of Technical – Infrastructure (Cục Hạ tầng kỹ thuật)*
- (m) *State Agency of Construction Quality Inspection (Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng)*
- (n) *Management Agency for Housing and Real-estate Market (Cục Quản lý nhà và thị trường Bất động sản)*
- (o) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
- (p) *The South Agency (Cục công tác phía Nam)*
- (q) *Enterprises Management Department (Vụ Quản lý doanh nghiệp)*

8. *Ministry of Information and Communications (Bộ Thông tin và Truyền thông)*
- (a) *Department of Posts (Vụ Bưu chính)*
 - (b) *Department of Information Technology (Vụ Công nghệ thông tin)*
 - (c) *Department of Science and Technology (Vụ Khoa học và Công nghệ)*
 - (d) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
 - (e) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
 - (f) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (g) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch - Tài chính)*
 - (h) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
 - (i) *Ministry Office, including Representative Offices in DaNang city (Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng)*
 - (j) *Agency of Radio Frequency Management (Cục Tần số vô tuyến điện)*
 - (k) *Agency of Telecommunications (Cục Viễn thông)*
 - (l) *Agency of Computerization (Cục Tin học hóa)*
 - (m) *Agency of Press (Cục Báo chí)*
 - (n) *Agency of Publication, Print and release (Cục Xuất bản, In và Phát hành)*
 - (o) *Agency of Broadcasting and Electronic Information (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)*
 - (p) *The South Agency (Cục Công tác phía Nam)*
 - (q) *Agency of Foreign Information Service (Cục Thông tin đối ngoại)*
 - (r) *Enterprises Management Department (Vụ Quản lý doanh nghiệp)*
 - (s) *Department of Emulation and Reward (Vụ Thi đua khen thưởng)*
 - (t) *Department of Fundamental Information (Vụ Thông tin cơ sở)*
 - (u) *Central Post Agency (Cục bưu điện Trung ương)*
 - (v) *Agency of Information Security (Cục An toàn thông tin)*
9. *Viet Nam Social Security (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam)*
- (a) *Department of fund investment and management (Ban Đầu tư quỹ)*
 - (b) *Administration Office, including Representative Office in HoChiMinh city (Văn phòng, bao gồm Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh)*
 - (c) *Department of Implementation of Social Security Policies (Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội)*
 - (d) *Department of Implementation of Health Insurance Policies (Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế)*
 - (e) *Department of Issuance of Books and Cards (Ban Sổ, Thẻ)*
 - (f) *Department of Propaganda (Ban Tuyên truyền)*
 - (g) *Department of International Cooperation (Ban Hợp tác quốc tế)*

- (h) *Department of Emulation and Reward (Ban Thi đua – Khen thưởng)*
- (i) *Department of Legislation (Ban Pháp chế)*
- (j) *Department of Personnel and Organization (Ban Tổ chức cán bộ)*
- (k) *Department of Money Collection (Ban Thu)*
- (l) *Department of Finance and Accounting (Ban Tài chính – Kế toán)*
- (m) *Department of Planning and Investment (Ban Kế hoạch và Đầu tư)*
- (n) *Department of Pharmaceuticals (Ban Dược và Vật tư y tế)*
- (o) *Department of Inspection (Ban Kiểm tra)*
- (p) *Department of Internal Audit (Ban Kiểm toán nội bộ)*

10. *Government Inspectorate (Thanh tra Chính phủ)*

- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức Cán bộ)*
- (b) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (c) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác Quốc tế)*
- (d) *Department of sector-based Economic Inspection (Dep.I) (Vụ thanh tra khối kinh tế ngành (Vụ I))*
- (e) *Department of Internal Affairs and General Economic Inspection (Dep.II) (Vụ thanh tra khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II))*
- (f) *Department of Socio-Cultural Inspection (Dep.III) (Vụ thanh tra khối văn hóa xã hội (Vụ III))*
- (g) *Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 1 (Agency I) (Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 1 (Cục I))*
- (h) *Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 2 (Agency II) (Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 2 (Cục II))*
- (i) *Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 3 (Agency III) (Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 3 (Cục III))*
- (j) *(Anti -corruption Agency (AgencyIV) Cục chống tham nhũng (Cục IV))*
- (k) *Ministry Office, including Representative Offices in HoChiMinh city (Văn phòng, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh)*
- (l) *Department of Citizen Reception and Complaint and Denunciation Handling (Vụ tiếp dân và xử lý đơn thư)*
- (m) *Department of Post-Inspection Supervision, Evaluation and Handling (Vụ giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra)*
- (n) *Department of Planning, Finance and General Affairs (Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp)*

11. *Ministry of Industry and Trade (Bộ Công Thương)*
- (a) *Planning Department (Vụ Kế hoạch)*
 - (b) *Organization and Personnel Department (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (c) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
 - (d) *International Cooperation Department (Vụ Hợp tác quốc tế)*
 - (e) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
 - (f) *Science and Technology Department (Vụ Khoa học và Công nghệ)*
 - (g) *Heavy Industry Department (Vụ Công nghiệp nặng)*
 - (h) *Directorate of Energy (Tổng cục năng lượng)*
 - (i) *Light Industry Department (Vụ Công nghiệp nhẹ)*
 - (j) *Export-Import Agency (Cục Xuất nhập khẩu)*
 - (k) *Domestic Market Department (Vụ Thị trường trong nước)*
 - (l) *Mountainous and Frontier Trade Department (Vụ Thương mại biên giới và miền núi)*
 - (m) *Asia-Pacific Market Department (Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương)*
 - (n) *Europe Market Department (Vụ Thị trường châu Âu)*
 - (o) *America Market Department (Vụ Thị trường châu Mỹ)*
 - (p) *Africa, Western and South Asia Markets Department (Vụ Thị trường châu Phi, Tây Á, Nam Á)*
 - (q) *Multilateral Trade Policy Department (Vụ Chính sách thương mại đa biên)*
 - (r) *Remuneration and Rewards Department (Vụ Thi đua - Khen thưởng)*
 - (s) *Finance Department (Vụ Tài chính)*
 - (t) *The South Agency (Cục Công tác phía nam)*
 - (u) *Electricity Regulatory Agency (Cục Điều tiết điện lực)*
 - (v) *Competition Agency (Cục Quản lý cạnh tranh)*
 - (w) *Market Surveillance Agency (Cục Quản lý thị trường)*
 - (x) *Trade Promotion Agency (Cục Xúc tiến thương mại)*
 - (y) *Agency for Industrial Promotion (Cục Công nghiệp địa phương)*
 - (z) *Industrial Safety Techniques and Environment Agency (Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp)*
 - (aa) *Viet Nam E-Commerce and Information Technology Agency (Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin)*
 - (bb) *Chemicals Agency (Cục Hóa chất)*
 - (cc) *Human Resource Development Department (Vụ Phát triển nguồn nhân lực)*
 - (dd) *Ministry Office, including Representative Offices in Da Nang city (Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng)*
12. *Ministry of Health (Bộ Y tế)*
- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (b) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
 - (c) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
 - (d) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*

- (e) *Drug Administration of Viet Nam (Cục Quản lý dược)*
 - (f) *Department of Health Insurance (Vụ Bảo hiểm y tế)*
 - (g) *Department of Children - Mother Health (Vụ Sức khỏe Bà mẹ – Trẻ em)*
 - (h) *Agency of Administration of Traditional Medicine (Cục Quản lý Y Dược cổ truyền)*
 - (i) *Department of Health Equipment and Works (Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế)*
 - (j) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch – Tài chính)*
 - (k) *Ministry' Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city (Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh)*
 - (l) *Agency of Preventive Medicine (Cục Y tế dự phòng)*
 - (m) *HIV/AIDS Prevention Agency (Cục Phòng, chống HIV/AIDS)*
 - (n) *Agency of Health Examination and Treatment (Cục Quản lý khám, chữa bệnh)*
 - (o) *Agency of Food Safety (Cục An toàn thực phẩm)*
 - (p) *Directorate of Population Family Planning (Tổng cục Dân số – Kế hoạch hóa gia đình)*
 - (q) *Department of communication and Emulation (Vụ truyền thông và Thi đua-Khen thưởng)*
 - (r) *Agency of Information Technology (Cục Công nghệ thông tin)*
 - (s) *Agency of Administration of Environmental Health (Cục Quản lý môi trường Y tế)*
 - (t) *Agency of Science, Technology and Training (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo)*
13. *Ministry of Natural Resources and Environment (Bộ Tài nguyên và Môi trường)*
- (a) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
 - (b) *Department of Finance (Vụ Tài chính)*
 - (c) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (d) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
 - (e) *Department of Emulation, Commendation and Propaganda (Vụ Thi đua khen thưởng và tuyên truyền)*
 - (f) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
 - (g) *Department of Planning (Vụ Kế hoạch)*
 - (h) *Department of Science and Technology (Vụ Khoa học và Công nghệ)*
 - (i) *Directorate of Land Administration (Tổng cục Quản lý đất đai)*
 - (j) *Agency of Water Resources Management (Cục Quản lý tài nguyên nước)*
 - (k) *Agency of Meteorology, Hydrography and Climate Changes (Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu)*
 - (l) *Agency of Survey and Mapping (Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam)*

- (m) *Ministry Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city (Văn phòng Bộ, bao gồm cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh)*
- (n) *Directorate of Environment (Tổng cục Môi trường)*
- (o) *Directorate of Geology and Minerals of Viet Nam (Tổng cục Địa chất và Khoáng sản)*
- (p) *Agency of Technology and Information (Cục Công nghệ và Thông tin)*
- (q) *Agency of National Remote Sensing (Cục Viễn thám quốc gia)*
- (r) *General Department of the Sea and Offshore Islands (Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam)*

14. *Ministry of Education and Training (Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

- (a) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (b) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (c) *Department of Personnel and Organisation (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (d) *Department of Pre-school Education (Vụ Giáo dục Mầm non)*
- (e) *Department of Primary Education (Vụ Giáo dục Tiểu học)*
- (f) *Department of Secondary Education (Vụ Giáo dục Trung học)*
- (g) *Department of Professional Education (Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp)*
- (h) *Department of Higher Education (Vụ Giáo dục Đại học)*
- (i) *Department of Ethnic Minorities Education (Vụ Giáo dục Dân tộc)*
- (j) *Department of Continuing Education (Vụ Giáo dục Thường xuyên)*
- (k) *Department of Student Affairs (Vụ Công tác học sinh, sinh viên)*
- (l) *Department of National Defense (Vụ Giáo dục Quốc phòng)*
- (m) *Department of Science, Technology and Environment (Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường)*
- (n) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác Quốc tế)*
- (o) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch - Tài chính)*
- (p) *Agency of Testing and Education Administrators (Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục)*
- (q) *Agency of Teachers and Education Administrators (Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục)*
- (r) *Agency of Information Technology (Cục Công nghệ thông tin)*
- (s) *Agency of Education Facilities and Children' Toys (Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em)*
- (t) *International Education Agency (Cục Đào tạo với nước ngoài)*
- (u) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
- (v) *Representative Office in HoChiMinh city (Cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh)*

15. *Ministry of Home Affairs (Bộ Nội vụ)*

- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*

- (b) *The Organization and Personnel Administration (Vụ Tổ chức - Biên chế)*
- (c) *The Salary Department (Vụ Tiền lương)*
- (d) *The Department of State Employees and Servants (Vụ Công chức - Viên chức)*
- (e) *The Local Administration Department (Vụ Chính quyền địa phương)*
- (f) *The International Cooperation Department (Vụ Hợp tác quốc tế)*
- (g) *The Department of Non-Government Organization (Vụ Tổ chức phi chính phủ)*
- (h) *The Administrative Reform Department (Vụ Cải cách hành chính)*
- (i) *The Department of Training and Fostering of State Officials (Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ công chức)*
- (j) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (k) *The General Department (Vụ Tổng hợp)*
- (l) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (m) *Ministry Office, including Representative Offices in Da nang and Ho Chi Minh city (Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh)*
- (n) *State Records Management and Archives Agency (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)*
- (o) *Government Committee for Religious Affairs (Ban Tôn giáo Chính phủ)*
- (p) *Central Committee of Emulation and Commendation (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương)*
- (q) *Department of Planning – Finance (Vụ Kế hoạch - Tài chính)*
- (r) *Department of Youth affairs (Vụ Công tác thanh niên)*

16. *Ministry of Foreign Affairs (Bộ Ngoại giao)*

- (a) *ASEAN Department (Vụ ASEAN)*
- (b) *South East Asia-South Asia-South Pacific Department (Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương)*
- (c) *North East Asia Department (Vụ Đông Bắc Á)*
- (d) *Europe Department (Vụ Châu Âu)*
- (e) *America Department (Vụ Châu Mỹ)*
- (f) *West Asia - Africa Department (Vụ Tây Á - Châu Phi)*
- (g) *Policy planning Department (Vụ Chính sách Đối ngoại)*
- (h) *International Organizations Department (Vụ các Tổ chức Quốc tế)*
- (i) *Law and International Treaty Department (Vụ Luật pháp và Điều ước Quốc tế)*
- (j) *Department of Multilateral Economic Cooperation (Vụ Hợp tác Kinh tế Đa phương)*
- (k) *Economic Department (Vụ Tổng hợp Kinh tế)*

- (l) *External Culture and UNESCO Department (Vụ Văn hóa Đối ngoại và UNESCO)*
- (m) *Press and Information Department (Vụ Thông tin Báo chí)*
- (n) *Personnel and Organization Department (Vụ Tổ chức Cán bộ)*
- (o) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (p) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
- (q) *Consular Agency (Cục Lãnh sự)*
- (r) *State Protocol Agency (Cục Lễ tân Nhà nước)*
- (s) *Administrative and Financial Agency (Cục Quản trị Tài vụ)*
- (t) *State Commission on Overseas Vietnamese (Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài)*
- (u) *Hochiminh City's Department of External Relations (Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh)*
- (v) *Agency of Foreign Affairs (Cục Ngoại vụ)*
- (w) *Department of Emulation, Rewards and Diplomatic Tradition (Vụ Thi đua – khen thưởng và Truyền thống ngoại giao)*

17. *Committee for Ethnic Affairs (Ủy ban Dân tộc)*

- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (b) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (c) *Inspectorate (Thanh tra)*
- (d) *Department of Policies on Ethnic Minority (Vụ Chính sách dân tộc)*
- (e) *Department of Locality No.I (Vụ Địa phương I)*
- (f) *Department of Locality No.II (Vụ Địa phương II)*
- (g) *Department of Locality No.III (Vụ Địa phương III)*
- (h) *Department of Propaganda (Vụ Tuyên truyền)*
- (i) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
- (j) *Department of General Affairs (Vụ Tổng hợp)*
- (k) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch - Tài chính)*
- (l) *Ministry Office (Văn phòng)*
- (m) *Department of Ethnic Minorities (Vụ dân tộc thiểu số)*

18. *Ministry of Agriculture and Rural Development (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

- (a) *International Cooperation Department (Vụ Hợp tác quốc tế)*
- (b) *Department of Sciences, Technology and Environment (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)*
- (c) *Department of Planning (Vụ Kế hoạch)*
- (d) *Department of Finance (Vụ Tài chính)*
- (e) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (f) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (g) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (h) *Agency of Livestock (Cục Chăn nuôi)*
- (i) *Agency of Crop Production (Cục Trồng trọt)*

- (j) *Agency of Processing for Agro-forestry- Fisheries Products and Salt Production (Cục Chế biến, nông lâm thủy sản và nghề muối)*
- (k) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
- (l) *Agency of Plant Protection (Cục Bảo vệ thực vật)*
- (m) *Water Resources Directorate (Tổng cục Thủy lợi)*
- (n) *Directorate of Forest (Tổng cục Lâm nghiệp)*
- (o) *Directorate of Fisheries (Tổng cục Thủy sản)*
- (p) *Agency of Animal Health (Cục Thú y)*
- (q) *Agency of Construction Management (Cục Quản lý xây dựng công trình)*
- (r) *Agency of Cooperatives and Rural Development (Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)*
- (s) *National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Agency (Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)*
- (t) *Department of Enterprise Management (Vụ Quản lý doanh nghiệp)*

19. *Ministry of Transport (Bộ Giao thông vận tải)*

- (a) *Legal Affairs Department (Vụ Pháp chế)*
- (b) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
- (c) *Department of Transportation (Vụ Vận tải)*
- (d) *Department of Environment (Vụ Môi trường)*
- (e) *Department of International Cooperation (Vụ Hợp tác quốc tế)*
- (f) *Department of Traffic Safety (Vụ An toàn giao thông)*
- (g) *Department of Transport Infrastructure (Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông)*
- (h) *Department of Science and Technology (Vụ Khoa học - Công nghệ)*
- (i) *Department of Finance (Vụ Tài chính)*
- (j) *Department of Planning and Investment (Vụ Kế hoạch - Đầu tư)*
- (k) *Department of Enterprises Management (Vụ quản lý doanh nghiệp)*
- (l) *Ministry Inspectorate (Thanh tra Bộ)*
- (m) *Ministry Office (Văn phòng Bộ)*
- (n) *Transport Engineering Construction and Quality Management Agency (Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông)*
- (o) *Viet Nam Register Agency (Cục Đăng kiểm Việt Nam)*
- (p) *Viet Nam Inland Waterways Agency (Cục Đường thủy nội địa Việt Nam)*
- (q) *Viet Nam Maritime Agency (Cục Hàng hải Việt Nam)*
- (r) *Viet Nam Railway Agency (Cục Đường sắt Việt Nam)*
- (s) *Civil Aviation (Cục Hàng không Việt Nam)*
- (t) *Directorate for Roads of Viet Nam (Tổng cục Đường bộ Việt Nam)*

- (u) *Transport Health Service Administration (Cục Y tế Giao thông vận tải)*
20. *Ministry of Public Security (Bộ Công an)*
- (a) *General Police Department (Tổng cục cảnh sát)*
 - (b) *Police Bureau of Fire Prevention, Fighting and Rescue (Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ)*
 - (c) *Department of Health under General department of Technology and Logistics (Cục Y tế - Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật)*
21. *Ministry of National Defense (Bộ Quốc phòng)*
- (a) *Department of Economics (Cục Kinh tế)*
 - (b) *Rescue Department (Cục Cứu hộ - Cứu nạn)*

Notas a la Sección A:

1. El Capítulo 15 (Contratación Pública) se aplicará sólo a la contratación realizada por las entidades antes mencionadas subordinadas a los ministerios pertinentes listadas en esta Sección y sus agencias administrativas subordinadas a nivel central.
2. Para el *Ministry of Labour, War invalids and Social Affairs*, el Capítulo 15 (Contratación Pública) no se aplicará a las adquisiciones de mercancías y servicios que involucren al cementerio de mártires.
3. Para el *Vietnam Social Security*, el Capítulo 15 (Contratación Pública) no se aplicará a cualquier contratación de gestión de inversión, asesoría de inversión, custodia principal y servicios de custodia para propósitos de administrar los activos de los fondos de jubilación del *Vietnam Social Security*.
4. Para el *Ministry of Transport*, el Capítulo 15 (Contratación Pública) no se aplicará a la contratación de servicios de construcción del Ministerio de Transporte.
5. Para el *Ministry of National Defense*:
 - (a) El Capítulo 15 (Contratación Pública) cubrirá solamente los productos descritos a continuación:
 - (i) Los neumáticos utilizados en camiones ligeros (capacidad máxima de carga útil de 410 kg a 3050 kg, diámetro exterior de 475 mm a 972 mm), en automóviles especializados (capacidad máxima de carga útil de 2937 kg a 61500 kg, diámetro exterior de 1,220 mm a 3,045 mm), en los camiones pesados (capacidad máxima de carga útil de 4770 kg a 5525 kg, diámetro exterior de 1020 mm a 1230 mm)
 - (ii) Cámaras de aire utilizadas en automóviles (diámetro Seccional de 104 mm a 236 mm, diámetro interior de 305 mm a 605 mm), en bicicletas (como estipula el TC 03-2002/CA), en

- motocicletas (como se estipula en TCVN 5721- 1, JIS6367, el DOT, SN1)
- (iii) Productos de cuero utilizados en automóviles.
 - (iv) Correas elásticas de todo tipo (80 mm de ancho y 500 m de longitud)
 - (v) Tubos de hierro fundido y accesorios (fundición gris, fundición dúctil: tipos comunes con diámetro de 100-800mm adecuado a la norma ISO 2531: 1998 estándar nacional)
 - (vi) Pilares de antena (cables de una sección transversal de triángulo de 330 con una altura de 21 a 45 m; cables de una sección transversal triangular de 660 con una altura de 36 a 66 m; cables de una sección transversal triangular de 800 con una altura de 60 a 100 m, cables de una sección transversal circular con una altura de 15 m; cables de lazos móviles una altura de 10 m); y todo tipo de andamios metálicos, pilares de soporte y de encofrado (De tipo común)
 - (vii) Tornillos de Espiral
 - (viii) Chimeneas
 - (ix) Equipo para la producción de ladrillos cocidos de todo tipo (De una producción de hasta 20 millones de ladrillos al año)
 - (x) Equipos para la producción de hielo puro (Parámetros de grandes máquinas: hielo en cubo de 48 x 80 mm, con un total de 9-10 toneladas/ 24h, 400 kg / lote, nivel de consumo de energía de 0.085 kWh / kg de hielo, el compresor de salida de 50 HP)
 - (xi) Esterilización autoclaves (de tipos de 20, 52 y 75 litros)
 - (xii) Filtros de agua industrial (De una potencia de 6 toneladas / h, la capacidad eléctrica de 25 kw)
 - (xiii) Tornos, operados por motor eléctrico (De una capacidad de elevación de hasta 50 toneladas)
 - (xiv) Impresoras matriciales
 - (xv) Lavadoras de todo tipo (incluyendo tipos con secadoras automáticas)
 - (xvi) Cajas registradoras
 - (xvii) Regaderas (Utilizado para separador de deflector en la cocina: Q030JGEV, Q030JGV, Q030JGEVQ01)
 - (xviii) Placa tubular de batería de plomo ácido (Utilizado especialmente para montacargas operadas por electricidad: capacidad de entre 2 V-100 Ah y 2V-1000 Ah;- utilizadas especialmente para tranvías en yardas de golf, estaciones de ferrocarril, puertos; capacidad de 6V-225Ah, 8V-195Ah; 12V-130Ah)
 - (xix) Faros para automóviles, Faros de 1- tonelada - capacidad - bajo - camión, Limpiaparabrisas para automóvil,
 - (xx) Claxon para automóvil
 - (xxi) Cajas de oficina postal
 - (xxii) Cámara web

- (xxiii) Bicicletas de dos rufaaas y demás ciclos de pedales (Incluyendo bicitaxis de carga de tres ruedas)
- (xxiv) Los tubos de escape de motocicletas, asa de agarre en la parte trasera de las motocicletas, amortiguadores de adelante y atrás.
- (xxv) Una fase y tres fases medidores eléctricos trifásicos (U de hasta 380V, yo de hasta 100A), medidores electrónicos monofásicos y trifásicos, medidores electrónicos monofásicos (Grado de exactitud 1.0: Tensión normalizada (Un) : 220 VCA, corriente nominal (Ib): 5A, 10A, 20A, 30A, 50A: corriente máxima (Imax): 20A, 40A, 60A, 80A, 100A, corriente de arranque (Ist) <0.4% Ib; frecuencia de trabajo: 50 Hz ; metro constante: 1600 impulsos / kWh),
- (xxvi) Cajas de protección compuesto de contadores de electricidad,
- (xxvii) Cajas compuestas de contadores de electricidad
- (xxviii) Aparatos de Pruebas para metros (12 - posición monofásica; 40 - posición monofásica)
- (xxix) Relojes - Alarma
- (xxx) Relojes de pared (eléctricos)
- (xxxi) Las señales de advertencia hechas de aluminio reflectante fluorescente (para automóviles, motores, señales de tráfico)
- (xxxii) Palos de goma, palos eléctricos de todo tipo, spray pimienta (500 ml, 2000 ml)
- (xxxiii) Azúcar de caña o de remolacha y sacarosa (químicamente pura, en estado sólido), Azúcar en bruto sin adición de aromatizante ni colorante u otros.
- (xxxiv) Vinagre
- (xxxv) Sal de mesa
- (xxxvi) Limón
- (xxxvii) Mineral de cobre puro (18-20% Cu)
- (xxxviii) Glutamato monosódico
- (xxxix) Las tintas de impresión de todo tipo (utilizado para imprimir identificaciones)
- (xl) Papel prensa en bobinas o en hojas (de un peso estándar de 42 a 55 g / m²)
- (xli) Papel y cartón sin estucar ni recubrir, de los tipos utilizados para la impresión, la escritura o de fotocopia, tarjetas, papel de cinta perforada o base de cera para la fabricación del papel técnico (De un peso estándar de 40 a 120 g / m² Excluyéndolas en las subpartidas de: 4802.51.20, 4802.60.20, 4802.30.00, 4802.40.00, 4802.20.00)
- (xlii) Plantillas de zapatos de papel (Para los zapatos de revestimiento)
- (xliii) Cajas de cartón de tres y cinco capas
- (xliv) Cordones algodón y poliéster
- (xlv) Interior de termos
- (xlvi) Cajas de protección de acero de medidor de electricidad con pintado electrostático (Para las obras de la red eléctrica)

- (xlvii) Accesorios de motos y bicicletas
 - (xlviii) Caja de protección de medidor compuesto (Para las obras de la red eléctrica; tipo de 01 metros, monofásico, tipo de 02 metros, monofásicos; tipo de 04 metros, monofásico, tipo de 01 metros, 03 fases)
 - (xlix) Tubos de agua de plástico HDPE (Del tipo de 20-110mm, con bajo coeficiente de transferencia de calor, resistencia a la luz del sol, no ionizado bajo rayos ultravioleta, resistencia a la baja temperatura de -40C), tubos de agua de plástico PPR (del tipo de 20-90mm, resistente a altas temperaturas y presión, alta durabilidad, buena resistencia a la flexión, no causar ruido y vibraciones cuando el flujo de agua pase)
 - (l) Puertas de plástico, puertas de plástico con núcleo de acero producidas a partir forma de barras de uPVC (Fabricadas sincrónicamente de componentes como marco en forma de puerta, caja cristalina, y arandela Tener aislante de sonido, propiedad de aislamiento térmico y resistencia a alta presión y ahorro de energía)
 - (li) Espejo (De un espesor de entre 1,5 - 18 mm)
 - (lii) Duchas frías y calientes (tipo 02 flujos de agua utilizada para el baño), duchas de baño frío (tipo 01-flujo de agua utilizada para el baño), grifos de servicio caliente y frío (tipo 02 flujo de agua utilizada para baño), grifos fríos (tipo 01-flujo de agua utilizada para los baños), Grifo de agua fría para lavar los platos (Tipo 02-flujos de agua utilizada para cocina), Estanque del grifo (Tipo 02 flujos de agua-utilizada para el lavado de las manos)
 - (liii) Lámpara eléctrica de todo tipo (lámparas incandescentes de tipo común; lámparas compactas de 2U, 3U, capacidad de 5-20W; FHF Fluorescentes, capacidad de 32W, FLD Fluorescentes, capacidad de 18W y 36W)
 - (liv) Embalaje de papel hecho de productos de software
 - (lv) Cajas y tapas de protección de objetos portadoras de información
 - (lvi) Etiquetas de papel hechas de productos electrónicos
- b) El Capítulo 15 (Contratación Pública) cubrirá únicamente los servicios descritos en la *Central Product Classification* de las Naciones Unidas que se señalan a continuación:

<i>CPC</i>	<i>Descripción</i>
61120	Servicios de mantenimiento y reparación de vehículos automotores (excepto para el servicio que implica la revisión del motor)
612	Servicios de venta, mantenimiento y reparación de motocicletas y vehículos para la nieve; venta de repuestos

	y accesorios (disponible sólo para los servicios relacionados con los servicios de mantenimiento y reparación de vehículos de motor clasificados en CPC612)
87401	Servicios de desinfección y exterminación
87507	Servicios de restauración, copia y retoque de fotografías
87501	Servicios de retratos fotográficos
51520	Perforación de pozos de agua (excepto los trabajos de instalación y reparación de las tuberías de los edificios)

6. Para el *Ministry of Public Security*

- (a) El Capítulo 15 (Contratación Pública) cubrirá únicamente las mercancías descritos en el SA emitido junto con la Circular No.156 /2011/TT-BTC de fecha 24 de noviembre de 2011 como se indica a continuación:

<i>HS2012</i>	<i>Description</i>
30	Pharmaceutical products
34.02	Organic surface-active agents (other than soap); surface-active preparations, washing preparations (including auxiliary washing preparations) and cleaning preparations, whether or not containing soap, other than those of heading 34.01
3402.19.10	Of a kind suitable for use in fire-extinguishing preparations
3813.00.00	Preparations and charges for fire-extinguishers; charged fire-extinguishing grenades
39.26	Other articles of plastics and articles of other materials of headings 39.01 to 39.14
3926.20.60	Articles of apparel used for protection from chemical substances, radiation or fire
3926.90.42	Protective masks for use in welding and similar work
3926.90.44	Life saving cushions for the protection of persons falling from heights
3926.90.49	Other
59.07	Textile fabrics otherwise impregnated, coated or covered; painted canvas being theatrical scenery, studio back-cloths or the like
5907.00.30	Fabrics impregnated, coated or covered with fire resistant substances
59.09	Textile hosepiping and similar textile tubing, with or without lining, armour or accessories of other materials
5909.00.10	Fire hoses
61.13	Garments, made up of knitted or crocheted fabrics of heading 59.03, 59.06 or 59.07

61.16	Gloves, mittens and mitts, knitted or crocheted
6116.10.10	Other
62.10	Garments, made up of fabrics of heading 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 or 59.07
6210.10	Of fabrics of heading 56.02 or 56.03
6210.10.11	Garments used for protection from chemical substances, radiation or fire
6210.20.20	Garments used for protection from fire
6210.20.30	Garments used for protection from chemical substances or radiation
6210.30.20	Garments used for protection from fire
6210.30.30	Garments used for protection from chemical substances or radiation
6210.40.10	Garments used for protection from fire
6210.40.20	Garments used for protection from chemical substances or radiation
6210.50.10	Garments used for protection from fire
6210.50.20	Garments used for protection from chemical substances or radiation
64.01	Waterproof footwear with outer soles and uppers of rubber or of plastics, the uppers of which are neither fixed to the sole nor assembled by stitching, riveting, nailing, screwing, plugging or similar processes
65.06	Other headgear, whether or not lined or trimmed
6506.10.20	Industrial safety helmets and firefighters' helmets, excluding steel helmets
82.01	Hand tools, the following: spades, shovels, mattocks, picks, hoes, forks and rakes; axes, bill hooks and similar hewing tools; secateurs and pruners of any kind; scythes, sickles, hay knives, hedge shears, timber wedges and other tools of a kind used in agriculture, horticulture or forestry
82.02	Hand saws; blades for saws of all kinds (including slitting, slotting or toothless saw blades)
82.03	Files, rasps, pliers (including cutting pliers), pincers, tweezers, metal cutting shears, pipe-cutters, bolt croppers, perforating punches and similar hand tools
84.24	Mechanical appliances (whether or not hand-operated) for projecting, dispersing or spraying liquids or powders; fire extinguishers, whether or not charged; spray guns and similar appliances; steam or sand blasting machines and similar jet projecting machines
8424.10	Fire extinguishers, whether or not charged
85.01	Electric motors and generators (excluding generating sets)

85.03	Parts suitable for use solely or principally with the machines of heading 85.01 or 85.02
85.19	Sound recording or reproducing apparatus
85.22	Parts and accessories suitable for use solely or principally with the apparatus of heading 85.19 or 85.21
85.25	Transmission apparatus for radio-broadcasting or television, whether or not incorporating reception apparatus or sound recording or reproducing apparatus; television cameras, digital cameras and video camera recorders
85.26	Radar apparatus, radio navigational aid apparatus and radio remote control apparatus
85.37	Boards, panels, consoles, desks, cabinets and other bases, equipped with two or more apparatus of heading 85.35 or 85.36, for electric control or the distribution of electricity, including those incorporating instruments or apparatus of Chapter 90, and numerical control apparatus, other than switching apparatus of heading 85.17
87.05	Special purpose motor vehicles, other than those principally designed for the transport of persons or goods (for example, breakdown lorries, crane lorries, fire fighting vehicles, concrete-mixer lorries, road sweeper lorries, spraying lorries, mobile workshops, mobile radiological units)
8705.10.00	Crane lorries
8705.20.00	Mobile drilling derricks
8705.90.50	Street cleaning vehicles; cesspool emptiers; mobile clinics; spraying lorries of all kinds
89.05	Light-vessels, fire-floats, dredgers, floating cranes and other vessels the navigability of which is subsidiary to their main function; floating docks; floating or submersible drilling or production platforms
89.06	Other vessels, including warships and lifeboats other than rowing boats
8908.00.00	Vessels and other floating structures for breaking up
90.18	Instruments and appliances used in medical, surgical, dental or veterinary sciences, including scintigraphic apparatus, other electro-medical apparatus and sight-testing instruments
90.19	Mechano-therapy appliances; massage apparatus; psychological aptitude-testing apparatus; ozone therapy, oxygen therapy, aerosol therapy, artificial respiration or other therapeutic respiration apparatus

9020.00.00	Other breathing appliances and gas masks, excluding protective masks having neither mechanical parts nor replaceable filters
90.21	Orthopaedic appliances, including crutches, surgical belts and trusses; splints and other fracture appliances; artificial parts of the body; hearing aids and other appliances which are worn or carried, or implanted in the body, to compensate for a defect or disability
90.22	Apparatus based on the use of X-rays or of alpha, beta or gamma radiations, whether or not for medical, surgical, dental or veterinary uses, including radiography or radiotherapy apparatus, X-ray tubes and other X-ray generators, high tension generators, control panels and desks, screens, examination or treatment tables, chairs and the like

- b) El Capítulo 15 (Contratación Pública) no cubrirá los servicios o servicios de construcción adquiridos por el *Ministry of Public Security*;
- c) El alcance y la composición de la cobertura de productos farmacéuticos por parte del Ministerio, y los derechos otorgados para los inversionistas de las empresas farmacéuticas extranjeras, seguirán la misma fórmula que la empleada por el *Ministry of Health* para sus contrataciones cubiertas de medicamentos, descrita en las notas de la Sección D.

SECCIÓN B: Entidades de Gobierno Subcentral

Ninguna.

SECCIÓN C: Otras Entidades

El Capítulo 15 (Contratación Pública) se aplicará a las entidades listadas en esta Sección, cuando el valor estimado de la contratación sea igual o superior a los siguientes umbrales:

Umbrales:

1. Mercancías y servicios:
 - Desde la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam hasta el final del quinto año siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 3,000,000 DEG
 - Desde el inicio del sexto año de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 2,000,000 DEG

2. Servicios de Construcción:
 - Desde la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam hasta el final del quinto año siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 65,200,000 DEG
 - Desde el inicio del sexto año hasta el final del año 10 siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 55,000,000 DEG
 - Desde el inicio del año 11 hasta el final del año 15 siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 40,000,000 DEG
 - Desde el inicio del año 16 hasta el final del año 20 siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 25,000,000 DEG
 - Desde el inicio del año 21 siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam: 15,000,000 DEG

Lista de Entidades:

1. *Viet Nam News Agency (Thông tấn xã Việt Nam)*
 - (a) *Personnel and Organization Board (Ban Tổ chức cán bộ)*
 - (b) *Board of Inspection (Ban Kiểm tra)*
 - (c) *Editor Board (Ban Thư ký biên tập)*
 - (d) *Board of Planning and Finance (Ban Kế hoạch – Tài chính)*
 - (e) *Board of News for Foreign Service (Ban Biên tập tin đối ngoại)*
 - (f) *Board of Domestic News (Ban Biên tập tin trong nước)*
 - (g) *Board of Economic News (Ban Biên tập tin kinh tế)*
 - (h) *Board of World News (Ban Biên tập tin thế giới)*
 - (i) *Database-Documentation Center (Trung tâm thông tin tư liệu)*
 - (j) *Informatics Centre (Trung tâm tin học)*
 - (k) *Viet Nam News Agency Professional Training Centre (Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn)*

- (l) *Representative Office in the South (Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam)*
 - (m) *Representative Office in the Centre -Tay Nguyen (Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên)*
 - (n) *Pictorial Editorial Board (Ban Biên tập ảnh)*
 - (o) *The Administrative Affair Office (Văn phòng Thông tấn xã)*
2. *Ho Chi Minh National Academy of Politics (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*
- (a) *Department of Personnel and Organization (Vụ Tổ chức cán bộ)*
 - (b) *Department of Scientific Management (Vụ Quản lý khoa học)*
 - (c) *Board of Inspection (Ban Thanh tra)*
 - (d) *Department of International cooperation(Vụ Hợp tác quốc tế)*
 - (e) *Department of Training Management (Vụ Quản lý đào tạo)*
 - (f) *Department of Provincial Political Schools (Vụ Các trường chính trị)*
 - (g) *Institute of International Relations (Viện Quan hệ quốc tế)*
 - (h) *Institute of State and Law (Viện Nhà nước và Pháp luật)*
 - (i) *Institute of Philosophy (Viện Triết học)*
 - (j) *Institute of Political Sciences (Viện Chính trị học)*
 - (k) *Institute of Culture and Development (Viện Văn hóa và Phát triển)*
 - (l) *Institute of Human Right Studies (Viện Nghiên cứu quyền con người)*
 - (m) *Institute of Economics (Viện Kinh tế)*
 - (n) *Journal of Political Theory (Tạp chí Lý luận chính trị)*
 - (o) *Institute of the CPV History (Viện Lịch sử Đảng)*
 - (p) *Institute of Ho Chi Minh and the CPV's Leaders' Studies (Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng)*
 - (q) *Institute of Scientific Socialism (Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học)*
 - (r) *Institute of Sociology (Viện Xã hội học)*
 - (s) *Department of Planning and Finance (Vụ Kế hoạch – Tài chính)*
3. *Viet Nam Academy of Social Sciences (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)*
- (a) *Social Sciences Publishing House (Nhà xuất bản Khoa học xã hội)*
 - (b) *Institute of Indian and Southwest Asian Studies (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á)*
 - (c) *The Centre for Analysis and Forecast (Trung tâm Phân tích và Dự báo)*
 - (d) *Viet Nam Social Sciences Review (Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam)*
 - (e) *Institute of Human Studies (Viện Nghiên cứu con người)*
 - (f) *Institute for Religious Studies (Viện Nghiên cứu Tôn giáo)*

- (g) *Viet Nam Institute for Northeast Asian Studies (Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á)*
- (h) *Viet Nam Institute of American Studies (Viện Nghiên cứu Châu Mỹ)*
- (i) *Viet Nam Museum of Ethnology (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam)*
- (j) *Institute of African and Middle East Studies (Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông)*
- (k) *Viet Nam Institute of Chinese Studies (Viện Nghiên cứu Trung Quốc)*
- (l) *Center for Information Technology (Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin)*
- (m) *Institute of Sustainable Development of the Central Region (Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên)*
- (n) *Institute of Cultural Studies (Viện Nghiên cứu Văn hóa)*
- (o) *Institute of History (Viện Sử học)*
- (p) *Institute of State and Law (Viện Nhà nước và Pháp luật)*
- (q) *Institute of Anthropology (Viện Dân tộc học)*
- (r) *Institute for Southeast Asian Studies (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á)*
- (s) *Institute of Philosophy (Viện Triết học)*
- (t) *Institute of Sociology (Viện Xã hội học)*
- (u) *Institute for European Studies (Viện Nghiên cứu Châu Âu)*
- (v) *Institute of Psychology (Viện Tâm lý học)*
- (w) *Viet Nam Institute of Literature (Viện Văn học)*
- (x) *Viet Nam Institute of Economics (Viện Kinh tế Việt Nam)*
- (y) *Viet Nam Institute of Lexicography and Encyclopedia (Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam)*
- (z) *Institute of World Economics and Politics (Viện Kinh tế và Chính trị thế giới)*
- (aa) *Institute of Han - Nom Studies (Viện Nghiên cứu Hán – Nôm)*
- (bb) *Graduate Academy of Social Sciences (Học viện Khoa học xã hội)*
- (cc) *Institute of Archaeology (Viện Khảo cổ học)*
- (dd) *Institute of Social Sciences Information (Viện Thông tin Khoa học xã hội)*
- (ee) *Department of Personnel and Organization (Ban Tổ chức cán bộ)*
- (ff) *Department of Finance and Planning (Ban Kế hoạch – Tài chính)*
- (gg) *Department of Science Management (Ban Quản lý Khoa học)*
- (hh) *Department of International Cooperation (Ban Hợp tác quốc tế)*
- (ii) *Head Office (Văn phòng)*

- 4. *Viet Nam Academy of Science and Technology (VAST) (Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam)*
 - (a) *Institute of Mathematics (Viện Toán học)*

- (b) *Publishing House for Science and Technology (Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ)*
- (c) *Institute of Applied Physics and Scientific Instruments (Viện Vật lý Ứng dụng và Thiết bị khoa học)*
- (d) *Institute of Applied Informatics and Mechanics (Viện Cơ học và Tin học ứng dụng)*
- (e) *Institute of Chemical Technology (Viện Công nghệ hóa học)*
- (f) *Institute of Applied Materials Science (Viện Khoa học vật liệu ứng dụng)*
- (g) *Institute of Tropical Biology (Viện Sinh học nhiệt đới)*
- (h) *Institute of Energy Science (Viện Khoa học năng lượng)*
- (i) *Administration Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city (Văn phòng VAST, bao gồm Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh)*
- (j) *Institute of Information Technology (Viện Công nghệ thông tin)*
- (k) *Institute of Mechanics (Viện Cơ học)*
- (l) *Institute of Geophysics (Viện Vật lý địa cầu)*
- (m) *Institute of Ecology and Biological Resources (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật)*
- (n) *Institute of Marine Environment and Resources (Viện Tài nguyên và Môi trường biển)*
- (o) *Tay Nguyen Institute of Biology (Viện Sinh học Tây Nguyên)*
- (p) *Institute of Oceanography (Viện Hải dương học)*
- (q) *Nha Trang Institute of Technology Research and Application (Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang)*
- (r) *Institute of Physics (Viện Vật lý)*
- (s) *Institute of Marine Geology and Geophysics (Viện Địa chất và Địa vật lý biển)*
- (t) *Institute of Environmental Technology (Viện Công nghệ môi trường)*
- (u) *Institute of Materials Science (Viện Khoa học vật liệu)*
- (v) *Institute of Chemistry (Viện Hóa học)*
- (w) *Institute of Natural Products Chemistry (Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên)*
- (x) *Institute of Biotechnology (Viện Công nghệ sinh học)*
- (y) *Institute of Geography (Viện Địa lý)*
- (z) *Institute of Geological Sciences (Viện Địa chất)*
- (aa) *Institute of Tropical Technology (Viện Kỹ thuật nhiệt đới)*
- (bb) *Space Technology Institute (Viện Công nghệ vũ trụ)*
- (cc) *Center for Information Infrastructure Development (Trung tâm tin học và Tính toán)*
- (dd) *Institute of Marine Biochemistry (Viện Hóa sinh biển)*

5. *Bach Mai Hospital (Bệnh viện Bạch Mai)*
6. *Cho Ray Hospital (Bệnh viện Chợ Rẫy)*
7. *Hue Central Hospital (Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế)*

8. *Thai Nguyen National General Hospital (Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên)*
9. *Can Tho National Hospital (Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ)*
10. *Quang Nam Central General Hospital (Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam)*
11. *Uong Bi Viet Nam – Sweden Hospital (Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí)*
12. *Viet Nam – Cuba Donghoi Friendship Hospital (Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới)*
13. *Viet Duc Hospital (Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức)*
14. *E Hospital (Bệnh viện E)*
15. *Friendship Hospital (Bệnh viện Hữu nghị)*
16. *Thong Nhat Hospital/ Unified Hospital (Bệnh viện Thống Nhất)*
17. *C Hospital (Bệnh viện C Đà Nẵng)*
18. *K Hospital (Bệnh viện K)*
19. *Viet Nam National Hospital of Pediatrics (Bệnh viện Nhi Trung ương)*
20. *National Hospital of Obstetrics and Gynecology (Bệnh viện Phụ - Sản Trung ương)*
21. *The Viet Nam National Institute of Ophthalmology (Bệnh viện Mắt Trung ương)*
22. *Hospital of Ear - Nose - Throat (Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương)*
23. *National Hospital of Endocrinology (Bệnh viện Nội tiết Trung ương)*
24. *National Hospital of Odonto - Stomatology (Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Hà Nội)*
25. *Ho Chi Minh Hospital of Odonto - Stomatology (Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương thành phố Hồ Chí Minh)*
26. *Central 71 Hospital (Bệnh viện 71 Trung ương)*
27. *Central 74 Hospital (Bệnh viện 74 Trung ương)*
28. *National Hospital of Lung Diseases (Bệnh viện Phổi Trung ương)*
29. *National Psychiatric Hospital no.1 (Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1)*
30. *National Metal Hospital 2 (Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2)*
31. *Quyhoa National Leprosy Dermatology Hospital (Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa)*
32. *Quyinh Lap National Leprosy Dermatology Hospital (Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập)*
33. *Hospital of Nursing - Rehabilitation (Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Trung ương)*
34. *National Hospital of Tropical Diseases (Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương)*
35. *National Hospital of Dermatology and Venereology (Bệnh viện Da liễu Trung ương)*
36. *Hospital of Geriatric (Bệnh viện Lão khoa Trung ương)*
37. *National Hospital of Traditional Medicine (Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương)*
38. *National Hospital of Acupuncture (Bệnh viện Châm cứu Trung ương)*

Notas a la Sección C:

1. Para mayor certeza, para la *Vietnam News Agency*, *Ho Chi Minh National Academy of Politics*, *Vietnam Academy for Social Sciences*, *Vietnam Academy for Science y Technology*, el Capítulo 15 (Contratación Pública) se aplicará sólo a la contratación realizada por las entidades antes mencionadas subordinadas a las entidades contratantes pertinentes.
2. Para la *Ho Chi Minh National Academy of Politics*, el Capítulo 15 (Contrataciones Públicas) no se aplicará a la contratación de servicios de restauración de la *Ho Chi Minh National Academy of Politics*.
3. Para la *Vietnam News Agency* el Capítulo 15 (Contratación Pública) no se aplicará a ninguna contratación en relación a noticias y documentales de producción de la *Vietnam News Agency*.
4. Para los 34 Hospitales Nacionales, con el propósito de determinar si una contratación de productos farmacéuticos es igual o superior al umbral de la Sección C de mercancías, el contrato correspondiente será el contrato farmacéutico consolidado que tenga una duración de al menos 1 año para cada hospital, o el contrato centralizado celebrado por el *Ministry of Health* en nombre de ellos. En caso de una contratación de un hospital por un período de tiempo más corto, el umbral aplicable será 500,000 DGE. En caso de que una contratación de un solo producto farmacéutico, el umbral aplicable será de 180,000 DEG.
5. Vietnam no ofrece la cobertura de la Sección C a México.

SECCIÓN D: Mercancías

El Capítulo 15 (Contratación Pública) cubrirá la contratación de todas las mercancías adquiridas por las entidades listadas en las Secciones A y C, sujeto a las Notas de las respectivas Secciones y a las Sección G, con excepción de las mercancías indicadas en la lista de abajo:

<i>SA2012</i>	<i>Descripción</i>
10.06	Arroz
27.09	Aceites de petróleo y aceites obtenidos de minerales bituminosos, crudos.
27.10	Aceites de petróleo o de mineral bituminoso, excepto los aceites crudos; preparaciones no expresadas ni comprendidas en otra parte, con un contenido en peso del 70% o más de aceites de petróleo o de aceites obtenidos de minerales bituminosos, estos aceites constituyan el elemento base; aceites usados.
49.01	Libros impresos, folletos e impresos similares, incluso en hojas sueltas
49.02	Diarios, revistas y publicaciones periódicas, incluso con ilustraciones o con publicidad
49.05	Mapas y cartas hidrográficas o similares de todo tipo, incluidos los mapas murales, planos topográficos y esferas, impresos
49.07	Estampillas postales, timbres fiscales o sellos similares de edición actual o nueva en el país, en el que tienen, o tendrán, un valor facial; Papel timbrado; notas de banco; talonarios de cheques; acciones, títulos de acciones u obligaciones y títulos similares.
8517.61	Estaciones base
8525.50	Aparatos de Transmisión
8525.60	Aparatos emisores con aparato receptor incorporado
85.26	Aparatos de radar, radionavegación y un aparato de control remoto por radio.
8527.13	Los demás aparatos combinados con grabador o reproductor de sonido
8527.19	Aparatos receptores capaces de planificación, gestión y monitoreo del espectro electromagnético Discos grabados, cintas, dispositivos de almacenamiento permanente de datos a base de semiconductores, "tarjetas inteligentes" y demás soportes para grabar sonido u otros fenómenos.

Nota a la Sección D:

Para los productos farmacéuticos, se aplicarán las siguientes notas:

1. Para cada año calendario siguiente a la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam, Vietnam podrá reservar de las obligaciones del Capítulo 15 (Contratación Pública) el porcentaje del valor de la contratación aplicable de productos farmacéuticos como se muestra a continuación.

Año	1 ^{ro} - 3 ^{ro}	4 ^{to} - 10 ^{mo}	11 ^{ro} - 15 ^{to}	16 ^{to} en adelante
Porcentaje del valor de la contratación	100	65	60	50

2. Con respecto a la contratación de productos farmacéuticos sujeta a compromisos conforme al Capítulo 15 (Contratación Pública), su composición comprenderá las siguientes categorías en orden secuencial:

- (a) todos los productos farmacéuticos innovadores (patentados); después
- (b) todas la Categoría 1 de genéricos (en el marco del sistema de clasificación del *Ministry of Health* de Vietnam); después
- (c) toda la Categoría 2 de genéricos; después
- (d) toda la Categoría 3 de genéricos; después
- (e) toda la Categoría 4 de genéricos; después
- (f) toda la Categoría 5 de genéricos;

hasta que se alcance la parte de las contrataciones anuales que estén cubierta para ese año.

3. Los proveedores de productos farmacéuticos de cualquier Parte, incluidas las empresas con inversión extranjera, de las entidades cubiertas tendrán derecho a participar directamente en las licitaciones.

4. El Capítulo 15 (Contratación Pública) no cubrirá la contratación de servicios de distribución de productos farmacéuticos que integren un contrato de contratación o que formen parte de, o sean conexos a, un contrato de contratación. En el caso de que estos servicios formen parte de, o sean conexos a, un contrato de compra, el proveedor ganador de la contratación, incluyendo las empresas con inversión extranjera, tendrá derecho a elegir cualquier distribuidor farmacéutico autorizado en Vietnam para entregar los productos farmacéuticos a las entidades cubiertas, incluyendo sus distribuidores existentes.

SECCIÓN E: Servicios

Los siguientes servicios, según se detalla en la *Central Product Classification* de Naciones Unidas, están cubiertos (los demás están excluidos):

<i>CPC</i>	<i>Descripción</i>
61	Servicios de venta, mantenimiento y reparación de vehículos de motor y motocicletas
64	Servicios de hotelería y restaurantes
75231	Servicios de red de datos
75232	Servicios de mensajería electrónica e información
84	Servicios de informática y similares
862	Servicios de contabilidad, auditoría y teneduría
863	Servicios de asesoramiento tributario
864	Estudios de mercado y encuestas de opinión pública
872	Servicios de colocación y suministro de personal
874	Servicios de limpieza de edificios
87501	Servicios de fotografía de retrato
87503	Servicios de fotografía de acción
87504	Servicios especializados de fotografía
87505	Servicios de tratamiento de Fotografía
87506	Servicios de procesamiento de imagen en movimiento para las industrias del cine y la televisión
87507	Servicios de restauración, copia y retocado de fotografía
87509	Otros servicios fotográficos
876	Servicios de embalaje
87903	Servicios de recepción de llamadas
87904	Servicios de Duplicación
87905	Servicios de traducción e interpretación
87906	Servicios de copilación y envío de correo
94	Servicios de Alcantarillado y aguas residuales; saneamiento y otros servicios de protección del medio ambiente (a excepción de la recogida de residuos en las oficinas de las entidades cubiertas)
97	Otros servicios (excepto los Códigos: 97030 – Servicios de Funeral, incineración y sepultura y 97090 - Otros servicios n.e.c.)
980	Hogares que emplean personal doméstico
99	Servicios proporcionados por organizaciones y organismos extraterritoriales

Notas a la Sección E

1. El Capítulo 15 (Contratación Pública) no se aplicará a:

- (a) cualquier contratación de servicios de públicos; o
- (b) cualquier contratación de servicios asociados a la administración y operación de instalaciones de gobierno y todas las instalaciones de propiedad privada utilizadas con fines gubernamentales.

2. Para las CPC 75231, 75232, 84, los compromisos conforme al Capítulo 15 (Contratación Pública) están disponibles para el proveedor de una Parte que, en el caso que la contratación aplique a empresas, esté establecida y que opere en Vietnam de conformidad con las leyes de Vietnam, o en caso de que la contratación se aplique a un individuo, un individuo que sea nacional de Vietnam.

SECCIÓN F: Servicios de Construcción

El Capítulo 15 (Contratación Pública) cubrirá todos los servicios de construcción contratados por las entidades listadas en la Sección A y la Sección C que figuran en la División 51 de la Clasificación Central de Productos Provisional (CPC), a excepción de los servicios de construcción excluidos en la Lista de la Parte, sujeto a las Notas de las respectivas Secciones, las Notas Generales y las Notas de esta Sección.

Notas a la Sección F:

El Capítulo 15 (Contratación Pública) no cubrirá la contratación de:

1. servicios de dragado;
2. construcción de zonas remotas, montañosas y extremadamente difíciles conforme a lo estipulado en los reglamentos de Vietnam y en las islas situadas más allá del mar territorial de Vietnam; o
3. construcción de sedes de nivel ministerial.

SECCIÓN G: Notas Generales

1. El Capítulo 15 (Contratación Pública) no se aplicará a:
 - (a) contratos de construcción, operación, transferencia y contratos de concesión de obras públicas;
 - (b) cualquier contratación para propósitos de desarrollo, protección o conservación de los tesoros nacionales de valor artístico, histórico, arqueológico o de valor de patrimonio cultural;
 - (c) contratación de cualquier mercancía y servicios relacionados que impliquen las reservas nacionales que se estipulan en la *Law on National Reserves* y cualquier modificación a la misma;
 - (d) cualquier contratación que implique algún tipo de preferencia en beneficio de las pequeñas y medianas empresas;
 - (e) medidas para la salud, el bienestar y el progreso económico y social de las minorías étnicas;
 - (f) contrataciones financiadas por subvenciones y pagos de patrocinio de personas que no figuran en este Anexo;
 - (g) cualquier contratación de mercancías y servicios dentro del territorio de Vietnam, para el consumo fuera del territorio de Vietnam;
 - (h) cualquier contratación de mercancías y servicios relacionados con las celebraciones nacionales y fines religiosos;
 - (i) los servicios de transporte que formen parte de, o sean conexos a una contratación pública;
 - (j) cualquier contratación realizada por una entidad contratante a otra entidad gubernamental.

2. Para mayor certeza:
 - (a) la licitación restringida se aplicará también a la contratación de bombardeo y rastreo de minas para el despeje de las tierras;
 - (b) el Capítulo 15 (Contratación Pública) no se aplicará a las contrataciones realizadas por una entidad cubierta en nombre de una entidad no cubierta;

- (c) siempre que se cumpla con el Artículo 15.4 (Principios Generales), Vietnam podrá adoptar medidas que discriminen a favor de los proveedores de cualquiera de las Partes que ofrezcan productos o servicios de cualquier Parte contra aquellos proveedores que ofrezcan productos o servicios de países no Parte;
- (d) cualquier exclusión que está relacionada específica o generalmente a una entidad contratante se aplicará también a cualquier entidad sucesora de manera que se mantenga el valor de esta oferta;
- (e) los servicios cubiertos por el Capítulo 15 (Contratación Pública) están sujetos a las exclusiones y reservas a los Capítulos 9 (Inversión), Capítulo 10 (Comercio Transfronterizo de Servicios), y Capítulo 11 (Servicios Financieros);
- (f) ninguna disposición de Capítulo 15 (Contratación Pública) se interpretará como impedimento para Vietnam a adoptar o mantener cualquier medida que considere necesaria para la protección de los intereses esenciales de seguridad, incluyendo secretos nacionales, tal como se define en las leyes y regulaciones de Vietnam; y
- (g) esta oferta de acceso a mercado sólo se aplicará a los países signatarios originales: Australia, Brunei, Canadá, Chile, Japón, Malasia, México, Nueva Zelanda, el Perú, Singapur y los Estados Unidos.

SECCIÓN H: Fórmula de Ajuste de los Umbrales

1. Los umbrales serán ajustados en cada año par con cada ajuste que surta efecto el 1 de enero, comenzando el 1 de enero del primer año par siguiente a la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam.
2. Cada dos años, Vietnam calculará y publicará el valor de los umbrales previstos en el Capítulo 15 (Contratación Pública) expresados en Dong de Vietnam. Estos cálculos estarán basados en las tasa de conversión publicados por el Fondo Monetario Internacional en su reporte mensual Estadísticas Financieras Internacionales (*International Financial Statistics*).
3. Las tasas de conversión serán el promedio de los valores diarios del Dong de Vietnam en términos de los Derechos Especiales de Giro (DEG) en el período de dos años anterior al 1 de octubre del año anterior a que tengan efecto los umbrales ajustados.
4. Vietnam notificará a las otras Partes de los umbrales vigentes en Dong de Vietnam inmediatamente después de que este Tratado entre en vigor para Vietnam, y los umbrales ajustados en Dong de Vietnam a partir de entonces de manera oportuna.
5. Vietnam consultará si un cambio importante del Dong de Vietnam en relación con el DEG o la moneda nacional de otra Parte fuera a crear un problema significativo con respecto a la aplicación del Capítulo 15 (Contratación Pública).

SECCIÓN I: Información de la Contratación

1. Los avisos de contratación prevista se publican en el *Viet Nam Public Procurement Newspaper (Báo Đấu thầu)*.
2. Vietnam proporcionará la dirección de sitio web donde publique información de contrataciones después del período de transición.

SECCIÓN J: Medidas de Transición

1. No obstante lo dispuesto en el Artículo 15.7.2 (Aviso de Contratación Prevista) que dispone que los avisos que sean accesibles por medios electrónicos serán proporcionadas de forma gratuita, Vietnam podrá cobrar una tarifa por el acceso a sus avisos, cuando estos avisos son accesibles por medios electrónicos, hasta que el sistema de contratación electrónica de Vietnam sea operativo y Vietnam haya emitido una medida que requiera a las entidades listadas en su Sección A a utilizar el sistema de contratación electrónica, siempre que cumpla con el Artículo 15.4 (Principios Generales). Durante este período transitorio, Vietnam informará periódicamente a las partes sobre el estado de la elaboración y ejecución de su sistema de contratación electrónica.

2. No obstante lo dispuesto en el Artículo 15.7.3(g) y (h) (Aviso de Contratación Prevista) en el sentido de que una convocatoria incluya una lista y una breve descripción de cualquier condición para la participación de proveedores y las limitaciones al número de proveedores calificados para invitar a presentar ofertas, Vietnam podrá omitir tal información en sus avisos, hasta que el sistema de contratación electrónica de Vietnam sea operativo y Vietnam haya emitido una medida que requiera a las entidades listadas en su sección A a utilizar el sistema de contratación electrónica. Durante este período transitorio, Vietnam proporcionará esa información en sus bases de licitación, siempre que cumpla con el Artículo 15.4 (Principios Generales).

3. No obstante lo dispuesto en el Artículo 15.14.3 (Plazos) en el sentido de que una entidad contratante establezca 40 días para la fecha límite para la presentación de las ofertas, Vietnam podrá establecer una fecha límite para la presentación de las ofertas que no sea menor a 25 días a partir de la fecha en que:

- (a) en el caso de una licitación pública, el aviso de contratación pública a menos sea publicada; o
- (b) en el caso de licitación selectiva, la entidad notifique a los proveedores que serán invitados a presentar ofertas,

hasta que el sistema de contratación electrónica de Vietnam sea operativo y Vietnam haya emitido una medida legal que requiera a las entidades listadas en su Sección A a utilizar el sistema de contratación electrónica, o siete años después de la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam, lo que ocurra primero, siempre que que cumpla con el Artículo 15.4 (Principios Generales).

A solicitud de Vietnam, las Partes darán consideración favorable a la ampliación del período transitorio hasta por un máximo de un período adicional de tres años a condición de que Vietnam haya demostrado pasos concretos durante el período de ejecución del cumplimiento del Artículo 15.14.3 (Plazos).

4. No obstante lo dispuesto en el Artículo 15.16.3(f) (Información Posterior a la Adjudicación) en el sentido de que el aviso posterior a la adjudicación incluya una breve descripción de las circunstancias que hayan justificado el uso de un procedimiento de licitación selectiva, Vietnam podrá omitir tal información de los avisos posteriores a la adjudicación hasta que el sistema de contratación electrónico de Vietnam sea operativo y Vietnam haya emitido una medida que requiera a las entidades listadas en su Sección A a utilizar el sistema de contratación electrónico. Durante este periodo, Vietnam proporcionará tal información a petición de cualquier Parte.

5. No obstante lo dispuesto en el Artículo 15.19 (Revisión Interna), Vietnam puede retrasar la aplicación de sus obligaciones conforme al Artículo 15.19 (Revisión Interna) por tres años siguientes a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam. Durante este periodo, Vietnam permitirá a los proveedores de cualquier Partes presentar reclamaciones acerca de la conducción de una contratación cubierta por parte de la entidad contratante, de conformidad con la *Public Procurement Law*, en la medida en que sea compatible con el Artículo 15.4 (Principios Generales).

6. No obstante el Capítulo 28 (Solución de Controversias), Vietnam no estará sujeta a la solución de controversias con respecto a sus obligaciones en virtud del Capítulo 15 (Contratación Pública) durante cinco años a partir de la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam. Durante este período transitorio, Vietnam consultará con cualquier Parte que plantee preocupaciones con el cumplimiento de sus obligaciones.

7. Los umbrales transitorios son aplicadas según lo dispuesto en las Secciones A y C.

Condiciones compensatorias especiales

8. No obstante lo dispuesto en el Artículo 15.4.6 (Principios Generales), Vietnam podrá buscar, considerar, imponer o hacer efectivas cualquier tipo de compensaciones especiales en cualquier etapa del procedimiento de la siguiente manera:

- (a) A la fecha de entrada en vigor de este Tratado para Vietnam, Vietnam podrá imponer condiciones compensatorias especiales en cualquier forma, incluyendo un programa de precios de preferencias, hasta en un 40 por ciento del valor anual de las contrataciones cubiertas totales, disminuyendo después de 10 años hasta el 30 por ciento del valor anual de las contrataciones cubiertas totales, hasta el final del año 25. El programa de condiciones compensatorias especiales será eliminado a partir del año 26 siguiente a la entrada en vigor de este Tratado para Vietnam.

- (b) Para mayor certeza, el subpárrafo (a) no limita el monto de condiciones compensatorias especiales que Vietnam pueda imponer a un contrato que caiga dentro del porcentaje anual del total de las contrataciones cubiertas sujetas a condiciones compensatorias especiales como se indicó anteriormente.